

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chiến
2. Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài không có địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của chị Nguyễn Thị Mai H tại Việt Nam: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 18/4/2020 Nguyên đơn anh Lê Văn D trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Mai H kết hôn vào ngày 20/8/1998 trên cơ sở tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (Viết tắt là UBND) xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2004 thì chị H đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, thời gian đầu khi chị H đi lao động tại Đài Loan thì vợ chồng vẫn liên lạc và quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Những năm tiếp theo tình cảm vợ chồng anh chị nhạt dần, trong quá trình chị H đi lao động có nhiều lần về nước nhưng chị H chỉ về nhà bố mẹ để sống, vợ chồng anh không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Lê Thị Hương N, sinh năm 1999. Hiện nay cháu đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh D còn trình bày: Hiện nay chị H vẫn ở Đài Loan, địa chỉ cụ thể của chị H ở Đài Loan anh không cung cấp cho Tòa án được vì anh không liên lạc được với chị H, chị H vẫn liên lạc về gia đình nhưng bố đẻ của chị H là ông Nguyễn Đạt T trú tại: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang không cung cấp địa chỉ nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị H được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Nguyễn Thị Mai H.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mai H không có bản tự khai.

Ngày 27/5/2020 và ngày 05/6/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Nguyễn Thị Mai H là ông Nguyễn Đạt T, trú tại: Thôn T, xã L, huyện L tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông T thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Lê Văn D và chị Nguyễn Thị Mai H; yêu cầu chị H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông T cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở Đài Loan. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc ông T vẫn giữ nguyên quan điểm là chị H ở Đài Loan vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình, nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở Đài Loan cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị H, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết để chị H gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị H gửi về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Văn D vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị Mai H vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh D; Biên bản làm việc với bố đẻ của chị H là ông Nguyễn Đạt T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh Lê Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị H không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị H; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt chị H là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 53, 56 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị định của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn D. Xử cho anh Lê Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị Mai H.

Anh Lê Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn D là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Lê Văn D.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Mai H vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị H là ông Nguyễn Đạt T để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông T thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa: anh Lê Văn D và chị Nguyễn Thị Mai H; Yêu cầu chị H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông T cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở Đà Loan.

Ông Nguyễn Đạt T trình bày: Chị H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông T vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị H cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Mai H theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Anh Lê Văn D là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị Mai H, chị H hiện đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ. Theo Công văn số 6256/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 14/5/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an, thì chị H xuất nhập cảnh 11 lần, lần gần đây nhất là ngày 18/5/2014 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị H ở Việt Nam là: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh D và chị H kết hôn năm 1998 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh D trình bày: Sau khi kết hôn anh và chị H ra ở riêng tại thôn T, xã L, huyện L. Ban đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2004 thì chị H đi lao động tại Đài Loan, trong thời gian đi Đài Loan này thì vợ chồng anh chị vẫn liên lạc với nhau và quan tâm lẫn nhau. Những năm tiếp theo thì tình cảm vợ chồng nhạt dần, những lần chị H về nước thì chỉ về nhà bố mẹ đẻ sống và vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, không liên lạc gì với nhau và vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Văn D với chị Nguyễn Thị Mai H, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh D và chị H chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2004 thì chị H đi lao động tại nước ngoài thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau và quan tâm đến nhau. Những năm tiếp theo thì tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, thời gian chị H đi lao động thì có nhiều lần về nước, nhưng mỗi lần về nước thì chị H chỉ về nhà bố mẹ đẻ sống mà không về chung sống với anh. Vợ chồng không liên lạc với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh D và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh D đối với chị Nguyễn Thị Mai H. Xử cho anh D được ly hôn với chị H.

[4]. Về con chung: Anh D và chị H có 1 con chung là cháu Lê Thị Hương N, sinh năm 1999. Hiện nay cháu đã trưởng thành, anh không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Lê Văn D phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Lê Văn D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai H.

2. Về án phí: Anh Lê Văn D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000669 ngày 25/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh D đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Lê Văn D vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thị Mai H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- UBND xã L, huyện L.
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử TAND Tối cao;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

Hoàng Thị Thu Hiền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Khánh Nguyễn Hoàng Tâm

Hoàng Thị Thu Hiền

